

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH A GIAG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2023
“V/v trAh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, trAh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH A GIAG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Trương Phước Công;
 2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ah Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “trAh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, trAh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 438/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Sinh Kim L, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp B Phú, xã H, huyện C, tỉnh A; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đặng ThAh B, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B Phú, xã H, huyện C, tỉnh A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Sinh Kim L trình bày, do tự tìm hiểu, bà L và ông B kết hôn vào năm 2004, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã H, huyện C, tỉnh A vào ngày 21/5/2007. Trong thời giA chung sống, vợ

chồng có sinh có 02 con chung tên Đặng Lý Mỹ C, sinh ngày 11/02/2005 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đặng Quốc A, sinh ngày 06/5/2009 hiện đang sống chung với bà L.

Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, vì có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau về kinh tế gia đình, chồng không phụ chăm lo cho con, đánh đập bà L có con chứng kiến, không tôn trọng bà. Vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 04 tháng nay. Trong thời gian này vợ chồng không tới lui thăm nhau, cũng không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm không còn, nay bà L yêu cầu ly hôn với ông B. Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Đặng Quốc A, sinh ngày 06/5/2009, đối với con chung tên Đặng Lý Mỹ C, sinh ngày 11/02/2005 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số I/2007 ngày 21/5/2007 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh A cấp cho ông Đặng Thanh B và bà Lý Sinh Kim L (bản chính); giấy khai sinh số 205, quyển số I/2009 ngày 12/5/2009 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh A cấp cho Đặng Quốc A (bản sao); giấy khai sinh số 220, quyển số 01 ngày 24/5/2007 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cấp cho Đặng Lý Mỹ C (bản sao).

- Bị đơn ông Đặng Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà L và ông B kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông B hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung khoảng 04 tháng nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông B. Bà L, ông B không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông B theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi dạy con chung nên không giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông B; bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lý Sinh Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng ThAh B. Đồng thời, ông B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là trAh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lý Sinh Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đặng ThAh B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà L và ông B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quA hệ hôn nhân giữa bà L và ông B là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà L xác định, trong thời giA chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quA điểm sống, hay cãi vã nhau về kinh tế gia đình, chồng không phụ chăm lo cho con, đánh đập bà L có con chứng kiến, không tôn trọng bà. Vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 04 tháng nay, hai bên cũng không lui tới thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời giA chung sống và không còn sống chung khoảng 04 tháng nay. Vợ chồng không quA tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông B nhưng ông B không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà L. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L, ông B là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh có 02 con chung tên Đặng Lý Mỹ C, sinh ngày 11/02/2005 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đặng Quốc A, sinh ngày 06/5/2009 hiện đang sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Xét thấy, con chung đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất tinh thần. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến ngày 15/6/2023 do cán bộ Tòa án lập, cháu A đã có nguyện vọng sống chung với mẹ (bà L) khi cha mẹ ly hôn và ông B cũng không phản đối với ý kiến của bà L về yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, do đó Hội đồng xét xử giao con chung cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Sinh Kim L.

1. Về hôn nhân: Bà Lý Sinh Kim L được ly hôn với ông Đặng ThAh B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số I/2007 ngày 21/5/2007 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh A cấp cho ông Đặng ThAh B và bà Lý Sinh Kim L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà L thống nhất vợ chồng có 02 con chung Đặng Lý Mỹ C, sinh ngày 11/02/2005 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lý Sinh Kim L được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Đặng Quốc A, sinh ngày 06/5/2009. Ông Đặng ThAh B không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Lý Sinh Kim L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đặng ThAh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quA có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lý Sinh Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013558do C cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg cấp ngày 04 tháng 5 năm 2023; bà Lý Sinh Kim L đã nộp đủ án phí.

Ông Đặng ThAh B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh A GiAg xét xử phúc thẩm của bà Lý Sinh Kim L, ông Đặng ThAh B được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAD tỉnh A GiAg (1);
- C cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã H, huyện C, tỉnh A (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy